



BÁO CÁO NGÀY

BIGCAP TIẾP TỤC KÉO CHỈ SỐ

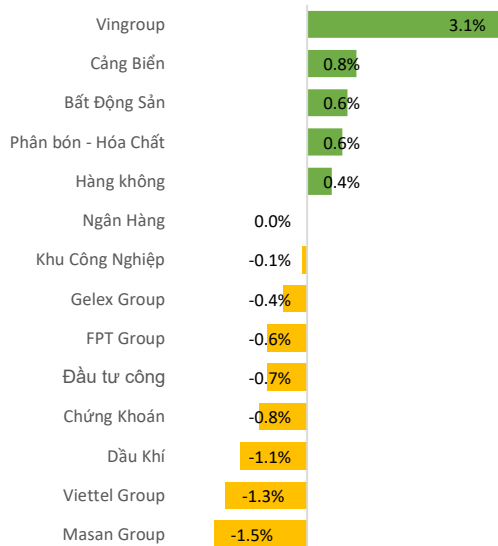
Ngày 23.04.2026

The right side of the image shows a close-up of a modern glass skyscraper. The words "The Hallmark" are mounted on the building's facade in large, bold, yellow 3D letters. The building's glass panels reflect the sky and surrounding cityscape.

The
Hallmark

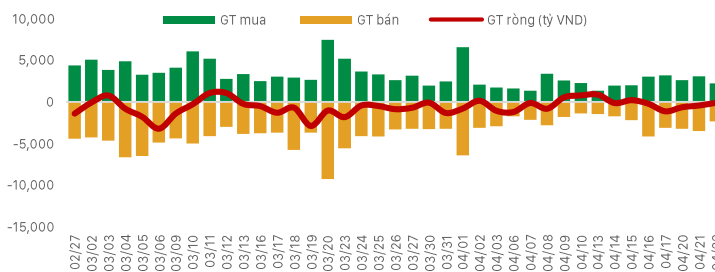
- Thị trường ghi nhận diễn biến tích cực về mặt chỉ số khi VN-Index tăng mạnh 23,8 điểm (+1,3%), chủ yếu nhờ lực kéo đột biến từ nhóm cổ phiếu Vingroup, đặc biệt là VIC và VHM sau thông tin hỗ trợ từ đại hội cổ đông. Tuy nhiên, điểm đáng lưu ý là độ rộng thị trường vẫn nghiêng về phía tiêu cực khi số mã giảm tiếp tục áp đảo số mã tăng, cho thấy dòng tiền chưa thực sự lan tỏa. Thanh khoản cải thiện nhưng mang tính cục bộ, tập trung lớn vào nhóm cổ phiếu trụ, trong khi phần còn lại của thị trường vẫn giao dịch khá trầm lắng.
- Rổ VN30 có sự cải thiện nhất định trong phiên chiều nhưng mức độ phân hóa vẫn cao. Ngoài nhóm Vingroup và một vài cổ phiếu riêng lẻ như DGC, phần lớn bluechips chưa cho thấy sức bật rõ ràng. Ở nhóm midcap, dòng tiền chỉ xoay quanh một số mã quen thuộc và chưa hình thành xu hướng dẫn dắt. Áp lực bán nhìn chung không quá mạnh, nhưng lực cầu yếu khiến nhiều cổ phiếu khó duy trì đà phục hồi. Nhịp tăng của VN-Index hiện tại mang nhiều yếu tố kỹ thuật hơn là sự cải thiện đồng thuận của thị trường. Việc chỉ số tiến gần vùng đỉnh lịch sử trong khi phần lớn cổ phiếu chưa quay lại vùng giá tương ứng phản ánh rủi ro “kéo trụ” và thiếu bền vững. Dòng vốn ngoại giao dịch tương đối cân bằng, chưa tạo thêm động lực rõ ràng.

Biến động ngành



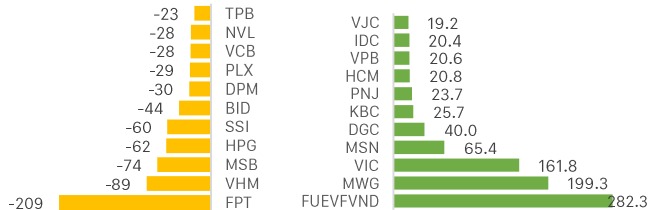
Khối ngoại mua/bán ròng trên HOSE

Đơn vị: Tỷ VND



Khối ngoại - Top CP mua bán ròng trong ngày

Đơn vị: Tỷ VND



CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

Thị trường	Điểm số	%Δ	YTD
Vnindex	1,857.0	1.30%	4.1%
Hnxindex	255.4	0.83%	2.7%
Hang Seng	26,214.0	-1.03%	2.3%
Shanghai	4,106.0	0.52%	3.5%
JP225	59,660.0	0.52%	18.5%

THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Chỉ số	Giá (USD)	%Δ	YTD
Vàng	4,756.9	0.77%	10.11%
Dầu WTI	90.3	0.66%	57.19%
Dầu Brent	99.1	0.66%	62.92%
Cao su	205.3	2.04%	14.12%
Ure	691.5	-0.14%	78.91%
Quặng sắt	786.5	0.32%	-0.38%
Thép	3,129.0	-0.29%	1.07%

THỊ TRƯỜNG NGOẠI TỆ

Chỉ số	Giá (USD)	%Δ	YTD
DXY	98.3	-0.10%	-0.03%
USD/VND	26,320.0	-0.04%	0.08%
USD/JPY	159.3	-0.02%	1.65%
USD/CNY	6.8	-0.05%	-2.17%
EUR/USD	1.2	0.08%	0.09%

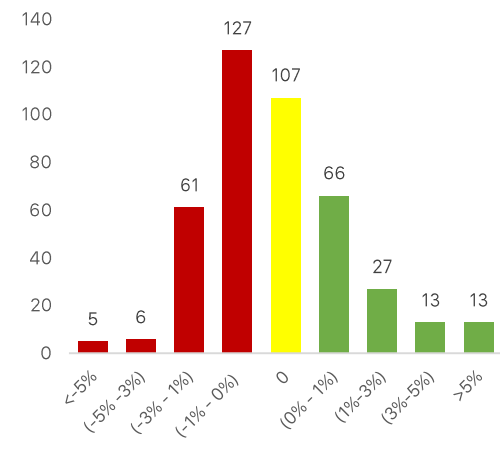
CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG HÔM NAY



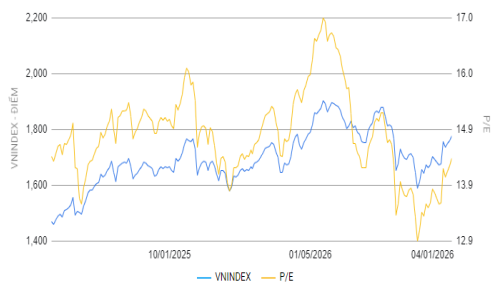
- Xét về kỹ thuật, VN-Index đóng cửa quanh 1.857 điểm, tiếp tục duy trì trên các đường trung bình quan trọng như MA20 và MA50, cho thấy xu hướng tăng ngắn hạn vẫn được giữ vững. Dải Bollinger Bands đang mở rộng cho thấy động lực tăng của Vnindex vẫn ở mức khá. Tuy nhiên đường giá sau khi vượt lên trên 1820 đang có xu hướng chậm lại và xuất hiện các nhịp rung lắc xen kẽ. Chỉ báo RSI tiến sát vùng 70, phản ánh trạng thái gần quá mua, trong khi MACD duy trì trên đường tín hiệu nhưng độ dốc đang chậm lại – dấu hiệu cho thấy đà tăng có thể suy yếu dần nếu không có sự xác nhận từ dòng tiền.
- VN-Index hiện đang duy trì khoảng cách khá xa so với đường MA20, cho thấy trạng thái tăng nóng trong ngắn hạn và tiềm ẩn khả năng gia tăng áp lực cung. Điều này có thể khiến chỉ số bước vào giai đoạn biến động mạnh hơn khi lực chốt lời dần xuất hiện. Dòng tiền hiện tại vẫn tập trung khá mạnh vào nhóm Vingroup và chưa có dấu hiệu dừng lại. Đây có thể xem là yếu tố hỗ trợ mạnh cho chỉ số chung và có thể bắc cầu chuyển tiếp cho giai đoạn sau dòng tiền lan tỏa dần sang các nhóm cổ phiếu khác.
- Một số cổ phiếu đang tích lũy giá trên nền thấp ưu tiên nắm giữ: MBB, TCB, HDB, NVL, HAG, VRE, MWG, VIC, VRE, VHM



Độ rộng thị trường



Biểu đồ PE lịch sử

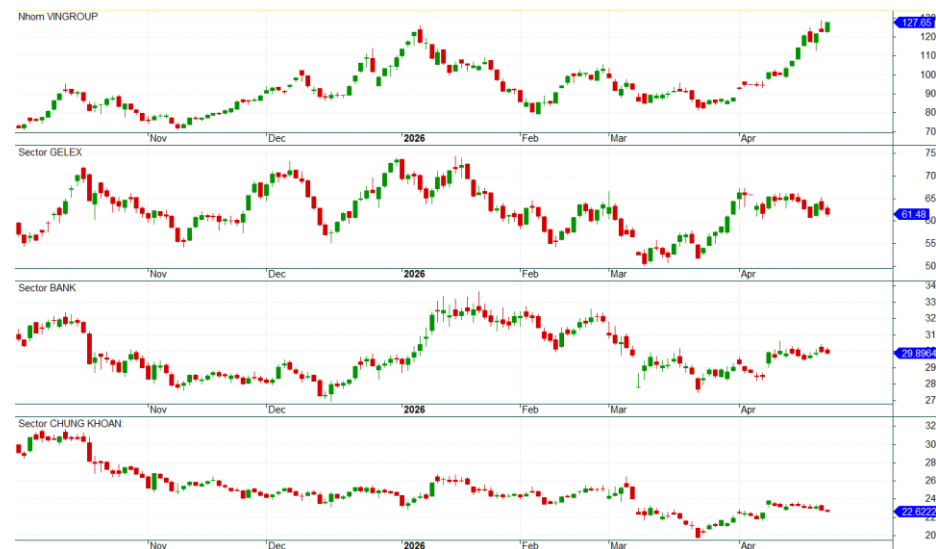


Cổ phiếu quan tâm

CP	Giá	%	Hỗ trợ	Note
GVR	32.75	0.3	30	Giá đang hồi phục. Mục tiêu gần 37
VPL	83.90	0.2	80	Giá đang tăng. Mục tiêu gần 90
HAG	16.40	0.3	16	CP đang tích lũy. Mục tiêu 18
MBB	26.20	-0.4	22	Giá đang đi ngang. Mục tiêu gần 29
SSI	28.15	-0.5	25	Đang đảo chiều tăng. Kỳ vọng gần 33
BID	40.25	-0.4	38	Giá đang tích lũy. Mục tiêu trên 45
VPB	27.55	0.0	24	Giá đang tích lũy. Hỗ trợ quanh 24
VHM	150.30	3.1	110	Giá đang tăng mạnh. Kháng cự gần 150
MWG	86.40	0.9	70	Giá đang ở nền thấp. Mục tiêu trở lại giá 90
NVL	18.75	5.9	13	Đang xu hướng tăng. Mục tiêu 20
TCB	33.00	0.9	30	Giá đang xu hướng tăng. Mục tiêu gần 35
VRE	29.95	2.2	25	Giá đang tăng dần, mục tiêu 35
VIC	207.20	7.0	140	Giá đang tăng. Lưu ý kháng cự gần 190

Các nhóm cổ phiếu trọng tâm

- Nhóm Vingroup: Đang tăng mạnh. VIC, VHM đang vượt đỉnh cũ
- Nhóm Gelex: đang đảo chiều mạnh. GEX, VIX thu hút dòng tiền mạnh
- Nhóm chứng khoán: Dòng tiền đang vào mạnh. Nhóm ưu tiên SSI, HCM
- Nhóm ngân hàng: đang giữ giá tốt, nổi bật ở VPB, TCB, MBB



BÁO CÁO QUÝ 1 NĂM 2026 NGÂN HÀNG OCB



TỔNG TÀI SẢN

344,098

TỶ ĐỒNG

+6.5%
SO VỚI ĐẦU NĂM

+19%
SO VỚI CÙNG KỲ



232,284 I

HUY ĐỘNG
THỊ TRƯỜNG
THỊ TRƯỜNG 1
TỶ ĐỒNG

+5.1%
SO VỚI ĐẦU NĂM



DƯ NỢ TÍN DỤNG

210,428
TỶ ĐỒNG

+2.6%
SO VỚI ĐẦU NĂM

+14.1%
SO VỚI CÙNG KỲ

TÍN DỤNG XANH:
+15%
SO VỚI CÙNG KỲ

KẾT QUẢ KINH DOANH

TỔNG THU THUẦN
2,722 TỶ ĐỒNG
+19.8% SO VỚI CÙNG KỲ

THU THUẦN TỪ LÃI
2,383 TỶ ĐỒNG
+10.1% SO VỚI CÙNG KỲ

THU NHẬP NGOÀI LÃI

Số hóa Sản phẩm Kinh doanh
dịch vụ ngoại hối

CẢI THIẾN MẠNH nhờ Đẩy mạnh Số hóa, Đa dạng hóa nguồn thu, và Hoạt động Ngoại hối phức hối

LỢI NHUẬN & CHI PHÍ

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
1,224
TỶ ĐỒNG
+37%
SO VỚI CÙNG KỲ

CIR (Tỷ lệ chi phí/thu thuần)
CẢI THIẾN ĐÁNG KỂ
Chi phí hoạt động tăng nhẹ so với cùng kỳ, NHƯNG giảm **-10%** so với quý trước

CỐNG HIẾN CHO
NIỀM TIN KHÁCH HÀNG

TỐI ƯU VẬN HÀNH

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ

ĐA DẠNG HÓA TÍN DỤNG
(SME, FDI, BÁN LẺ)

KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ I - 2026 MỘT SỐ NGÂN HÀNG

STT	Ngân hàng	Lợi nhuận trước thuế quý I (tỷ đồng)	Highlights - Hoạt động nổi bật
1	MB	9,500 (+13,3%)	Hợp nhất: 9.500 tỷ Mẹ: 8.866 tỷ (+15,3%) Tín dụng: 3,3%
2	Techcombank	8,869 (+22,5%)	Dẫn đầu tụ nhân về lợi nhuận Dự nợ BĐS giảm mạnh (26,44%)
3	VPBank	7,921 (+~58%)	Hợp nhất tín dụng: 1,06 triệu tỷ (+10,2%) Phân khúc SME (+8,4%) & Cá nhân (+7%) tăng trưởng
4	ACB	~5,400 (+17%)	+56% so với quý trước Hoàn thành 24% kế hoạch năm Nợ xấu: ~0,97% (thấp)
5	Sacombank	3,572 -2,8%	Hoàn thành 41% kế hoạch năm Dự nợ: ~627.000 tỷ (+ nhẹ)
6	LPBank	2,826 -11%	Lợi nhuận giảm 11% Chi phí dự phòng tăng mạnh (774 tỷ)
7	NAM A BANK	1,620 (+32,5%)	Tăng hơn 30% Tài sản: ~410.000 tỷ (+56%) ROE: 21,5%
8	VIETABANK	508 (+44%)	Thu nhập lãi thuần tăng ~10%
9	PGBank	275,7 (+~188%)	Lãi gấp 3 lần Tài sản: 86.711 tỷ Hoàn thành 20% kế hoạch

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG VINGROUP: KẾT QUẢ 2025 & KẾ HOẠCH 2026

KẾT QUẢ KINH DOANH 2025



TẬP ĐOÀN VINGROUP (KỶ LỤC)

Doanh thu thuần: **331.838** tỷ đồng (**↑76%**)

Lợi nhuận sau thuế:

11.065 tỷ đồng (**↑110%**)

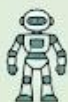


Vượt **11%** kế hoạch



Nộp ngân sách Nhà nước:

54.960 tỷ đồng



KHOẢ CÔNG NGHỆ

VinRobotics làm chủ **>90%** công nghệ robot
VinMotion hoàn thiện robot hình người

CƠ CẤU DOANH THU & LỢI NHUẬN (2025)

VINHOMES



153.271 tỷ đồng

Doanh thu **↑50%**

43.335 tỷ đồng

Lợi nhuận **↑24%**

VINFAST



90.427 tỷ đồng

Doanh thu **↑139%**

Bán ra **197.000** ô tô điện

Số 1 Việt Nam 12 tháng

VINPEARL Niêm yết HoSE 5/2025



15.539 tỷ đồng

Doanh thu

1.102 tỷ đồng

Lợi nhuận

TỔNG TÀI SẢN (31/12/2025):

1.118.623 tỷ đồng (**↑282.019** tỷ đồng)

KẾ HOẠCH TẬP ĐOÀN VINGROUP

KẾ HOẠCH NĂM 2026 (TRÌNH ĐHQĐCD)



Kế hoạch

Doanh thu thuần: **485.000** tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế: **35.000** tỷ đồng

35.000 tỷ đồng (**↑216%**)

VINFAST MỤC TIÊU 2026



Bàn giao **300.000** ô tô điện



~**1** triệu xe máy điện



Thâm nhập quốc tế



Ra mắt xe mới Mỹ/Châu Âu

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN (2025-2026)



Cổ phiếu VIC **↑736,5%** năm 2025

Vốn hóa gần **1,5** triệu tỷ đồng - 21/4/2026

KẾ HOẠCH

TẬP ĐOÀN VINGROUP

- Củng cố 3 trụ cột: Công nghệ-Công nghiệp, Thương mại-Dịch vụ, Thiện nguyện-Xã hội
- Mở rộng 3 lĩnh vực mới: Hạ tầng, Năng lượng xanh, Văn hóa

VINHOMES KẾ HOẠCH 2026



Doanh thu quy đổi **285.000** tỷ đồng **↑56%**



Lợi nhuận sau thuế **60.000** tỷ đồng **↑38%**



Chia cổ tức **160%**
(60% tiền mặt, 100% cổ phiếu)

VINPEARL MỤC TIÊU 2026



Doanh thu **16.000** tỷ đồng **↑3%**



Lợi nhuận sau thuế **1.600** tỷ đồng **↑53%**

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KINH DOANH Q1.2026



Mã	Phân ngành - ICB L2	Sàn	DT Q1.2026	Tăng trưởng	LN Q1.2026	Tăng trưởng	EPS	PE	BV	P/Bv
VPB	Ngân hàng	HOSE			6,198,661,000,000	59.1%	3,314	8.31	21,944	1.26
LPB	Ngân hàng	HOSE			2,279,191,000,000	-10.1%	3,738	12.59	16,561	2.84
VCK	Dịch vụ tài chính	HOSE	2,519,183,762,365	71.6%	1,235,241,204,014	68.1%	1,791	18.99	12,361	2.75
TCX	Dịch vụ tài chính	HOSE	2,783,203,426,368	37.2%	1,147,633,429,492	13.6%	2,668	19.11	19,669	2.59
VND	Dịch vụ tài chính	HOSE	1,807,010,963,787	43.6%	545,335,468,175	42.6%	1,435	11.60	14,089	1.18
TIN	Dịch vụ tài chính	UPCoM			461,547,084,203	508.7%	15,995	10.09	26,984	5.98
VPX	Dịch vụ tài chính	HOSE	2,870,973,236,035	308.0%	435,532,572,227	55.2%	2,263	12.44	18,240	1.54
VAB	Ngân hàng	HOSE			408,483,326,309	39.4%	1,758	5.86	12,948	0.80
VCI	Dịch vụ tài chính	HOSE	1,406,482,341,875	65.3%	340,729,881,088	15.6%	1,314	20.39	15,091	1.78
DHG	Y tế	HOSE	1,198,100,182,788	0.3%	315,677,281,272	18.6%	6,897	14.45	33,981	2.93
BMP	Xây dựng và Vật liệu	HOSE	1,457,310,965,938	5.4%	303,956,059,754	5.9%	15,218	9.92	38,864	3.89
MBS	Dịch vụ tài chính	HNX	1,019,095,940,522	52.4%	291,628,369,325	8.4%	1,814	11.03	8,365	2.39
HCM	Dịch vụ tài chính	HOSE	1,466,403,243,730	46.7%	290,720,447,794	28.2%	1,382	19.76	13,336	2.05
EVF	Dịch vụ tài chính	HOSE			266,631,000,000	10.9%	1,210	11.36	13,336	1.03
SHS	Dịch vụ tài chính	HNX	564,698,316,936	0.6%	231,824,163,916	-11.8%	1,463	11.89	14,159	1.23
NT2	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	HOSE	2,171,658,357,992	52.2%	179,978,034,022	386.9%	4,423	5.84	17,505	1.48
SCS	Du lịch và Giải trí	HOSE	271,969,151,117	2.1%	173,291,929,313	2.0%	7,391	7.31	17,527	3.08
VVS	Ô tô và phụ tùng	HOSE	2,750,550,855,401	142.1%	166,484,143,439	538.9%	21,443	6.67	38,033	3.76
FTS	Dịch vụ tài chính	HOSE	378,398,564,136	21.3%	159,915,055,919	4.5%	1,173	23.23	13,072	2.08
VIX	Dịch vụ tài chính	HOSE	1,653,403,555,824	68.8%	138,370,269,055	-62.8%	3,241	5.26	8,812	1.93
DDV	Hóa chất	UPCoM	1,842,160,944,124	59.3%	124,329,713,085	2.1%	4,354	6.34	16,354	1.69
TDM	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	HOSE	78,325,536,100	-21.7%	122,270,705,346	-15.0%	1,701	33.75	24,215	2.37
VCF	Thực phẩm và đồ uống	HOSE	661,214,675,841	-1.7%	112,240,297,733	-12.4%	18,886	16.16	46,992	6.49
LHG	Bất động sản	HOSE	176,210,588,509	-24.6%	112,183,216,200	1.9%	5,890	4.82	38,968	0.73
PDN	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	HOSE	375,949,837,759	6.1%	110,506,022,387	11.5%	8,060	13.35	26,714	4.03
NCT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	HOSE	292,681,443,052	21.3%	105,986,698,323	64.5%	16,375	5.78	31,172	3.04
PPC	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	HOSE	1,798,180,657,235	17.1%	95,731,506,416	82.9%	651	15.52	14,229	0.71
HNA	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	HOSE	205,430,768,741	17.0%	94,808,100,134	133.9%	2,253	9.76	15,033	1.46
CHP	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	HOSE	198,502,925,399	-15.2%	90,832,409,330	-24.2%	2,723	10.36	12,948	2.18
BSI	Dịch vụ tài chính	HOSE	697,140,773,775	106.8%	88,819,056,890	9.5%	2,043	17.69	22,891	1.58
IMP	Y tế	HOSE	546,206,333,856	-8.1%	82,018,589,482	10.1%	2,316	23.79	15,444	3.57
MCM	Thực phẩm và đồ uống	HOSE	741,550,010,628	25.4%	80,118,557,404	67.7%	2,255	12.33	21,377	1.30
PVP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	HOSE	644,818,041,796	53.1%	75,543,199,612	87.1%	2,253	7.41	19,352	0.86
CTS	Dịch vụ tài chính	HOSE	351,925,777,950	-24.3%	65,843,764,656	-37.9%	2,526	10.65	13,666	1.97
PGD	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	HOSE	2,489,854,214,850	-2.7%	64,965,664,817	482674.0%	2,357	10.91	15,500	1.66
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	HNX	1,951,958,485,537	29.2%	60,281,017,096	39.2%	3,269	6.76	15,523	1.42

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Các nhận định, khuyến nghị, so sánh trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn trọng, theo đánh giá chủ quan của người lập là hợp lý tại thời điểm thực hiện báo cáo. Do đó các phân tích này có thể thay đổi trong tương lai theo tình hình biến động thực tế mà chúng tôi không có trách nhiệm tự động cập nhật liên tục, trừ trường hợp được yêu cầu chính thức từ Ban lãnh đạo Công ty hoặc ràng buộc trong các điều khoản điều kiện của hợp đồng kinh tế đã được công ty ký kết với các đối tác liên quan.

Báo cáo phân tích, định giá này nhằm mục đích tham khảo. Báo cáo phân tích này và các tài liệu đi kèm được lập bởi Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu – CTCP Chứng Khoán OCBS, tất cả các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến báo cáo này đều thuộc sở hữu của CTCP Chứng khoán OCBS. Công ty nghiêm cấm mọi việc sử dụng, in ấn, sao chép, tái xuất bản toàn bộ hoặc từng phần bản Báo cáo này vì bất cứ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của Công ty.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Tầng 26, Tòa nhà The Hallmark, Số 15 đường Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (024) 7770 1212

Website: <https://ocbs.com.vn/>

Phòng phân tích

Email: research@ocbs.com.vn